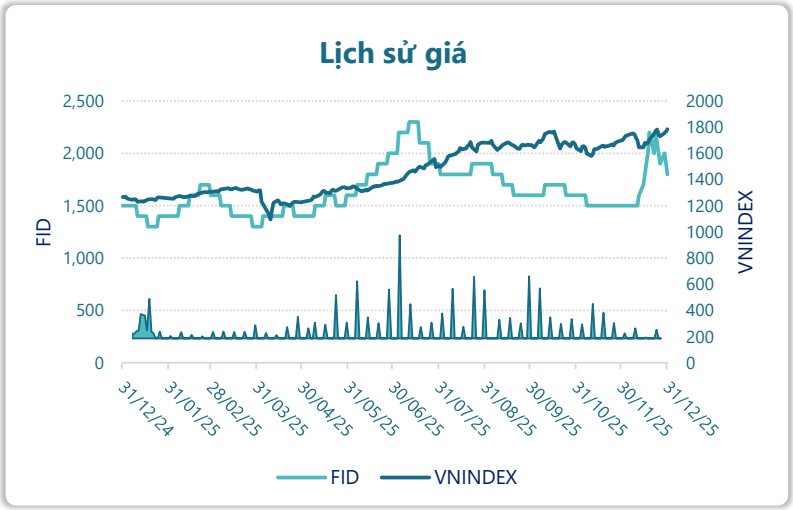
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (HNX: FID)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	24,715,958
KLGD BQ 20 phiên (CP)	276,345
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	44
P/E	-3.3
EPS	-540

DT thuần

Q4/25

11.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.2| 1279%

YoY: ▼25.4| -69.7%

LN sau thuế

Q4/25

-3.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.16| 4.4%

YoY: ▼24.7| -116%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-24.1%

+/- YoY: ▼ 47.6%

DT thuần

2025

44.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.8| -21.1%

LN sau thuế

2025

-14.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼22.4| -281%

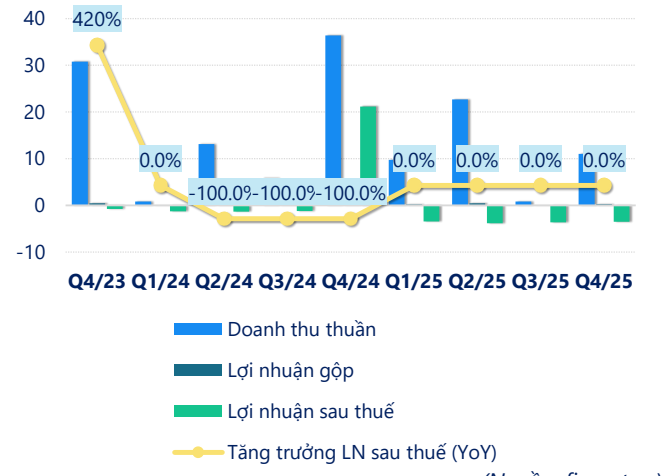
ROE

2025

-5.4%

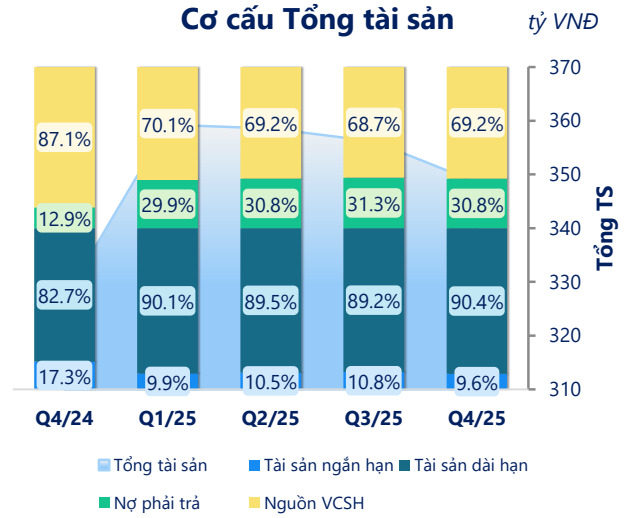
+/- YoY: ▼ 7.0%

Kết quả kinh doanh



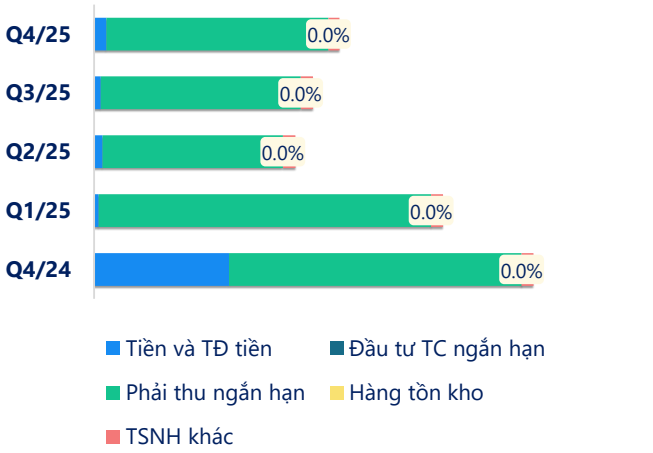
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



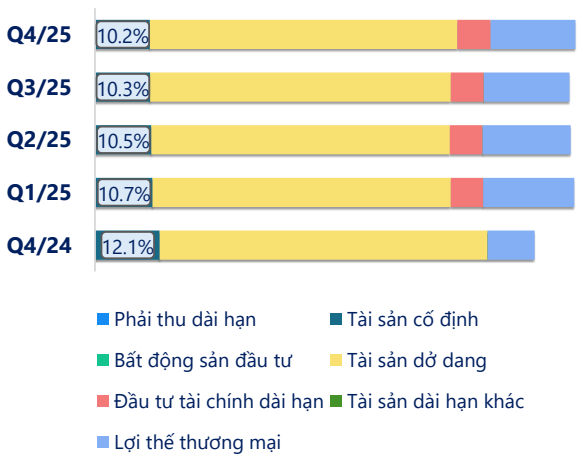
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



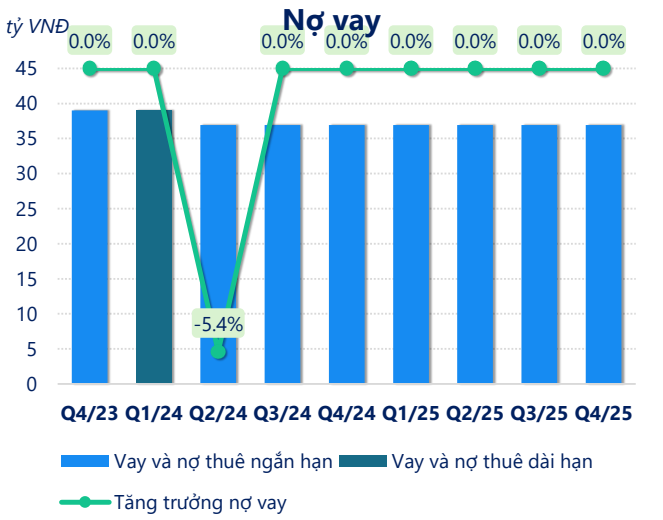
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



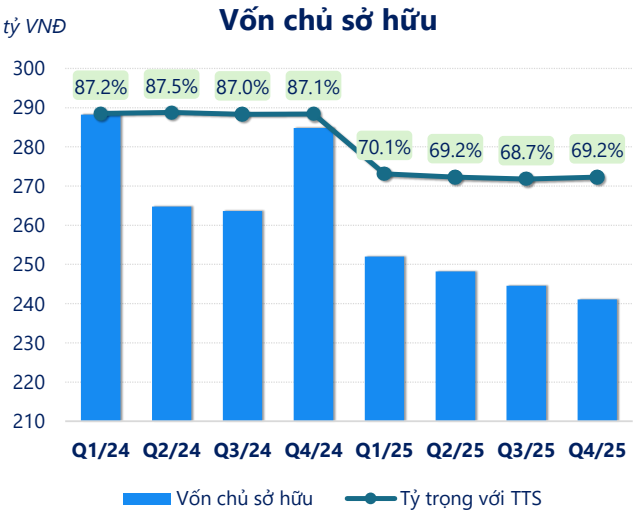
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



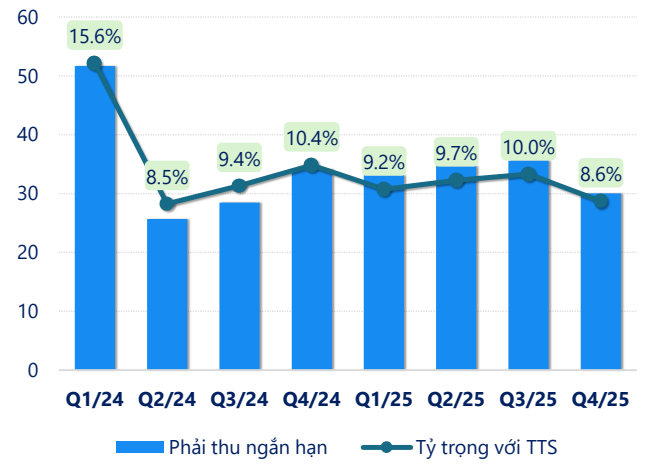
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



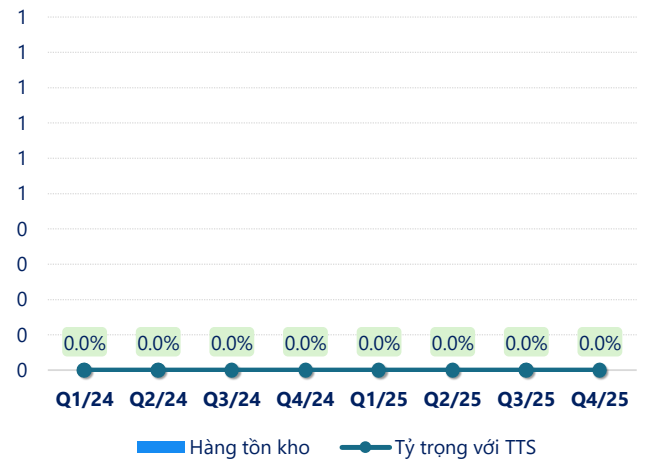
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



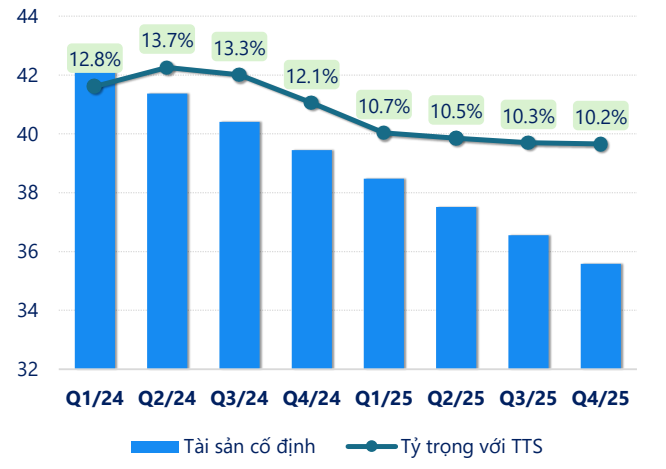
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



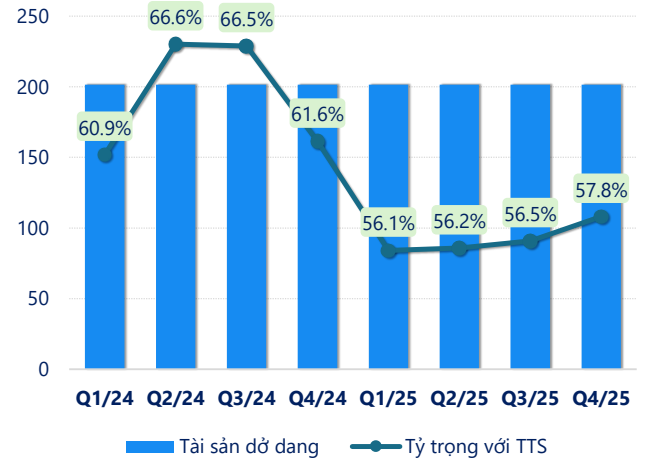
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



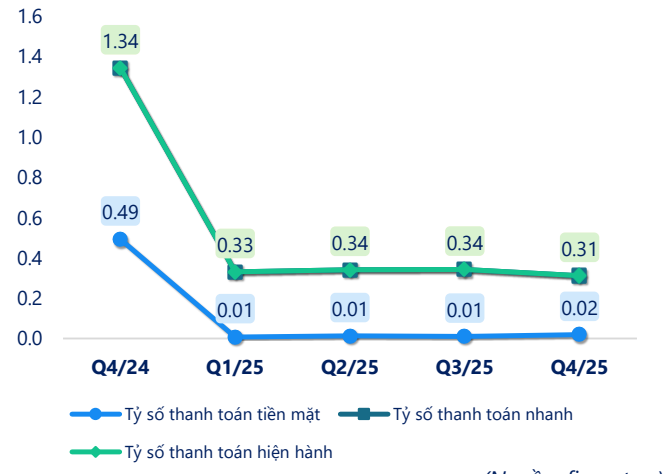
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



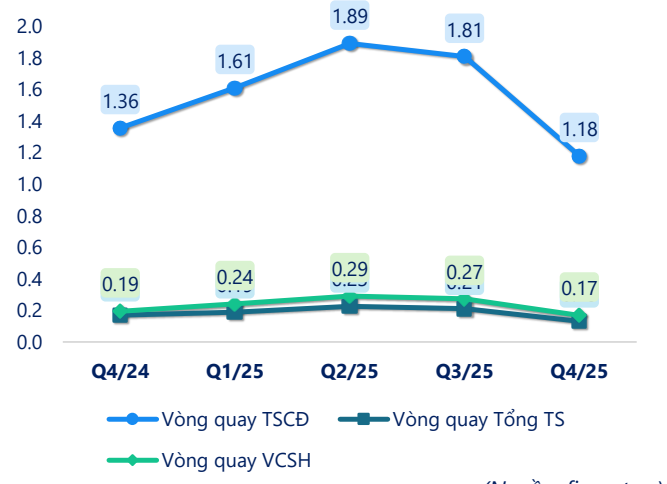
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**327**	**359**	**359**	**356**	**349**
Tài sản ngắn hạn	**56.6**	**35.5**	**37.7**	**38.3**	**33.5**
Tiền và tương đương tiền	20.7	0.78	1.41	1.11	2.01
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	34.1	33.1	34.7	35.6	30.0
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	1.69	1.64	1.61	1.57	1.51
Tài sản dài hạn	**270**	**324**	**321**	**318**	**315**
Phải thu dài hạn	0.44	0.44	0.44	0.44	0.44
Tài sản cố định	39.4	38.5	37.5	36.6	35.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	201	201	201	201	201
Đầu tư tài chính dài hạn	0	22.0	22.0	22.0	22.0
Tài sản dài hạn khác	0.14	0.08	0.02	0.00	0
Lợi thế thương mại	28.9	61.4	59.4	57.5	55.6
Nợ phải trả	**42.1**	**107**	**110**	**112**	**107**
Nợ ngắn hạn	**42.1**	**107**	**110**	**112**	**107**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.9	36.9	36.9	36.9	36.9
Phải trả người bán ngắn hạn	4.15	4.26	6.01	6.02	2.16
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**285**	**252**	**248**	**245**	**241**
Vốn chủ sở hữu	**285**	**252**	**248**	**245**	**241**
Vốn điều lệ	247	247	247	247	247
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)